

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/DS-PT
Ngày 18 - 10 - 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Đắc Dương

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Bà Võ Thị Kim Liên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2021/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* 1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; (có mặt)

2/ Ông Phạm Trung D, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Trung D: Luật sư Nguyễn Hoàng O – Văn phòng luật sư S Đen, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt)

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung D là bị đơn trong vụ án kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn P là nguyên đơn trình bày: Từ năm 2016 đến ngày 06/9/2017, ông có bán thức ăn gia súc cho bà Nguyễn Thị H để chăn nuôi heo, giữa ông với bà H có thỏa thuận việc giao nhận thức ăn và trả tiền có ghi sổ, đến ngày 24/9/2019 ông với bà H có đối chiếu sổ nhận thức ăn và tiền đã trả và bà H

cam kết trả nợ dần mỗi tháng là 500.000 đồng, bắt đầu trả vào ngày 24/10/2019, ông chỉ đồng ý đối chiếu tiền nợ là đúng còn việc trả nợ dần mỗi tháng 500.000 đồng ông không đồng ý. Từ ngày 24/10/2019 đến ngày 24/4/2020, bà H và ông D đã trả cho ông được 07 lần bằng 3.500.000 đồng (trong đó bà H trả 05 lần và ông D trả 02 lần). Số tiền nợ còn lại là 68.191.000 đồng thì vợ chồng bà H không có thiện chí trả mà trả dần mỗi tháng 500.000 đồng nhằm kéo dài thời gian trả, trong khi đó số tiền 500.000 đồng không đủ cho ông đóng tiền lãi vay ngân hàng.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung D phải trả cho ông 68.191.000 đồng tiền mua thức ăn gia súc còn nợ. Đồng thời yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.666%/tháng kể từ ngày 06/9/2017 đến ngày 20/5/2020 là 988 ngày: $68.191.000đ \times 988 \text{ ngày} \times 1.666\%/tháng = 37.414.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 105.605.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh của số tiền 68.191.000 đồng cho khi kết thúc vụ kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông P thay đổi về mức lãi suất, chỉ yêu cầu tính lãi theo mức 10%/năm (tức 0,83%/tháng).

Tại các bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị H là bị đơn trình bày: Từ trước đến nay ông, bà mua thức ăn gia súc của ông P, hình thức mua bán khi xuất chuồng thì trả tiền. Hai bên thực đúng việc mua bán không vi phạm, đến năm 2017 vì heo bị bệnh và không có giá nên bị lỗ nhiều nên còn nợ ông P 45.000.000 đồng. Sau đó bà H có đối chiếu và viết biên nhận số tiền còn thiếu ông P là 71.691.000 đồng và hai bên thỏa thuận trả dần hàng tháng bằng 500.000 đồng theo yêu cầu của ông P, hai bên đã thống nhất ký tên và ông, bà đã thực hiện trả được 07 tháng bằng 3.500.000 đồng.

Nay ông P yêu cầu ông, bà trả lại số tiền mua thức ăn còn thiếu là 68.191.000 đồng và tiền lãi là 37.414.000 đồng. Ông, bà không đồng ý trả số tiền mà ông P yêu cầu như trên; ông, bà chỉ đồng ý trả tiền vốn là 68.191.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi. Đồng thời trả theo cam kết như lúc đầu là trả dần hàng tháng 500.000 đồng và trả cho đến khi hết số nợ trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

Buộc ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P tổng số tiền còn nợ cả vốn và lãi là 93.320.000 (*Chín mươi ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị H nộp 4.666.000 đồng. Ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P 2.640.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0003577, ngày 28/9/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung D là bị đơn trong vụ án kháng cáo: Bà H, ông D không đồng ý trả tiền lãi theo mức lãi

suất 1.666%/tháng kể từ ngày 06/9/2017 đến ngày 20/5/2020 với số tiền 37.414.000 đồng; đồng thời ông bà yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ là 68.191.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Trung Dũng và bà Nguyễn Thị H: Ông D, bà H ngừng giao dịch mua thức ăn chăn nuôi của ông P từ năm 2017, đến năm 2019 hai bên mới tổng kết lại số tiền còn nợ là 71.191.000đ và tự nguyện thỏa thuận mỗi tháng ông D, bà H sẽ trả cho ông P số tiền là 500.000đ cho đến khi hết nợ. Sau đó, ông D, bà H đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận được 07 tháng với số tiền là 3.500.000đ nhưng ông P tự ý thay đổi, không đồng ý với phương thức trả nợ 500.000đ/tháng, việc này là lỗi của ông P, phía ông D, bà H hoàn toàn không có vi phạm nghĩa vụ như thỏa thuận ban đầu của hai bên. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Phong, bà Hạnh phải chịu tiền lãi từ năm 2017 với số tiền 25.129.000đ là chưa phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không buộc ông D, bà H phải chịu khoản lãi này.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định pháp luật cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên án sơ thẩm; đồng thời buộc phía bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung D còn trong hạn pháp luật quy định, nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về số tiền nợ và thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Trung D thừa nhận bà H có viết biên nhận còn nợ ông Nguyễn Văn P số tiền mua thức ăn là 71.691.000đ, đã trả được 3.500.000đ, còn nợ lại 68.191.000đ, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông, bà trả số tiền 68.191.000đ cho ông P thì ông, bà thống nhất. Tuy nhiên, ông, bà làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông, bà được trả dần số tiền này mỗi tháng 500.000đ – 700.000đ cho đến khi hết nợ. Căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu này của ông, bà không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.2] Về tiền lãi: Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Trung D cho rằng trong số tiền 71.691.000đ mà bà H viết biên nhận thừa nhận nợ của ông Nguyễn Văn P là

nợ gốc 45.000.000đ, phần còn lại là tiền lãi nên nay ông, bà không đồng ý tiếp tục trả lãi chồng lãi. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà H, ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của ông, bà là có căn cứ. Mặt khác, tại Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, theo đó bên có nghĩa vụ chậm trả tiền (ông D, bà H) thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông D, bà H phải chịu phần lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức 10%/năm (tức 0,83%/tháng) là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định mốc thời gian bắt đầu tính lãi là từ ngày 06/9/2017 đến ngày 20/5/2020 là: 02 năm 08 tháng 14 ngày; Tiền lãi phát sinh từ ngày 21/5/2020 đến ngày 19/5/2021 là: 11 tháng 28 ngày là chưa phù hợp. Bởi lẽ các bên ngưng giao dịch mua bán từ năm 2017 với số tiền còn nợ là 71.691.000đ nhưng đến ngày 24/10/2019, phía ông P yêu cầu bà H viết biên nhận xác định số tiền còn nợ là 71.691.000đ và không đề cập gì đến phần tiền lãi mà bà H, ông D có trách nhiệm trả cho ông P từ năm 2017 đến ngày 24/10/2019, đây là quyền định đoạt của đương sự, ông P không đặt ra khi hai bên thỏa thuận nên coi như ông P đã không yêu cầu tính lãi trong khoảng thời gian này. Đến ngày 20/5/2020, ông P khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện C do quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm nên xét thấy việc tính lãi xác định theo mốc thời gian từ ngày 20/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là mới phù hợp. Theo đó, ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền lãi là 6.773.000đ (tiền lãi được tính từ ngày 20/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/5/2021 là 11 tháng 29 ngày $\times 0,83\%/tháng \times 68.191.000đ = 6.773.000$ đồng)

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung D là có phần có căn cứ nên được chấp nhận một phần. Nghĩ nên sửa một phần án sơ thẩm về phần tiền lãi buộc ông D, bà H có nghĩa vụ trả cho ông P và việc sửa án sơ thẩm không do lỗi chủ quan của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Trung D có phần phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm về số tiền gốc buộc bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Trung D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn P là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với đề nghị giữ nguyên phần tiền lãi như án sơ thẩm đã tuyên được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận một phần.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật;

Do án sơ thẩm bị sửa một phần về tiền lãi mà ông Nguyễn Văn P yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung D có trách nhiệm phải trả nên ông Nguyễn

Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận là 30.641.000đ (37.414.000đ-6.773.000đ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 440 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung D.

Sửa Bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C

Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Buộc ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền lãi là 6.773.000đ (tiền lãi được tính từ ngày 20/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/5/2021 là 11 tháng 29 ngày x 0,83%/tháng x 68.191.000đ = 6.773.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi ông Phạm Trung D, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P là 74.964.000đ (Bảy mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) (Trong đó tiền gốc là 68.191.000đ, tiền lãi là 6.773.000đ)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị H nộp 3.748.000 đồng. Ông Nguyễn Văn P phải nộp 1.532.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.640.000 đồng mà ông Nguyễn Văn P đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0003577, ngày 28/9/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà H, ông D số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005200 ngày 03/6/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu: HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành

